

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 426/2019/DS-PT

Ngày: 15-11-2019

"V/v tranh chấp dân sự về thừa
kế quyền sử dụng đất và chia tài
sản chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15/10/2019 và ngày 15/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp dân sự về thừa kế quyền sử dụng đất và chia tài sản chung”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 294/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 314/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 354/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 412/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019, Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số: 433/TB-TA ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đặng Thị S, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Ấp M.P, xã P.Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1945;

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ.B.K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm: 1944;

Địa chỉ: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Bà Đặng Thị H' (H1), sinh năm: 1948;

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ.B.K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn Đặng Thị S, Đặng Thị H, Đặng Thị H1, Đặng Thị Đ là Luật sư Lê H.A - Văn phòng Luật sư H.A - Đoàn Luật sư tỉnh T.G; Địa chỉ: Số B, khu C, thị trấn C.B, huyện C.B, tỉnh T.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị G, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ.B.K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đặng Thị G là Luật sư Huỳnh Thị Đ1 - Văn phòng Luật sư G.L - Đoàn Luật sư Thành phố H.C.M.

Địa chỉ: D, Lầu E, N.C.T, Phường G, Quận H, Thành phố H.C.M.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Châu Văn Bé E, sinh năm: 1960;

3.2. Chị Châu Thị Phụng H2, sinh năm: 1993;

3.3. Anh Châu T, sinh năm: 1995;

Người đại diện theo ủy quyền cho Châu Văn Bé E, Châu Thị Phụng H2, Châu T là bà Đặng Thị G, sinh năm: 1959 (Các văn bản ủy quyền cùng ngày 06/9/2019);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ.B.K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị G (Là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Các nguyên đơn bà Đặng Thị S, Đặng Thị H, Đặng Thị Đ, Đặng Thị H1 trình bày:

Cha, mẹ là cụ Đặng Văn B và cụ Nguyễn Thị B1 có 06 người con là Đặng Thị H, Đặng Thị Đ, Đặng Thị H1, Đặng Thị S, Đặng Thị G và Đặng Văn U, nhưng Đặng Văn U đã bỏ nhà đi và mất tích đã hơn 20 năm. Năm 1992 cụ Nguyễn Thị B1 chết, đến năm 1997 cụ Đặng Văn B chết để lại di sản theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thực tế gồm: Diện tích 5.313,4m² đất (thổ), thửa số 1648, tờ bản đồ số 1 và 10.970m² đất (L) gồm diện tích 699,9m², thửa số 1697; diện tích 1.542,7m² đất (lúa), thửa số 1696; diện tích 4.917,9m² đất (lúa), thửa số 1695; diện tích 3.809,5m² đất (lúa), thửa số 1871, tọa lạc: Ấp A, xã Đ.B.K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Phần đất (di sản) này bà Đặng Thị Đ và Đặng Thị S tranh chấp từ năm 1997 đến năm 2001. Năm 2002 chị, em thống nhất giao cho bà Đặng Thị G thuê diện tích 10.970m² đất (lúa), giá 01 năm là 100 gia lúa, bà G trả được 3 năm, còn lại 9 năm chưa trả là 900 gia lúa, chị em bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Năm 2012, khởi kiện chia tài sản chung do thời hiệu chia thừa kế đã hết.

Năm 2017, thay đổi yêu cầu chia thừa kế. Hiện trạng diện tích đất thổ có 01 căn nhà bà Đặng Thị H1 đang ở (nhà của cụ B cất năm 1992 để lại) ngang 5,7m, dài 10m và 01 mái che ngang 3,7m x 2,7m, hiện trạng nhà khung cây tạp, vách ván, nền đất, mái tôn, vị trí giáp với đất ông L; bà Đặng Thị G cất 01 căn nhà ngang 5m x 17m, khung cây tạp, vách ván, nền đất, mái tôn, vị trí giáp với đất ông L và 01 căn nhà cấp 4 ngang 7,1m x 18m, kết cấu khung bê tông cốt thép, vách tường, mái tôn, nền lót gạch men, vị trí giáp với đất Út M. Cây lâu năm trên đất do cụ B trồng, nếu giao đất cho ai thì người đó sử dụng, không yêu cầu giải quyết cây gắn liền với đất (thổ). Hiện trạng đất (lúa) cha còn sống đã sử dụng đất làm 2 vụ. Bà S, H, Đ, H1 không yêu cầu chia thừa kế căn nhà của cụ B để lại. Không thừa nhận diện tích đất (lúa) của cha, mẹ để lại như bà G trình bày.

Bà S, bà H, bà Đ, bà H1 yêu cầu bà Đặng Thị G chia di sản của cha, mẹ theo pháp luật làm 06 phần, một phần đất thổ cư diện tích 885,56m² và đất lúa một phần diện tích 1.828,3m², yêu cầu bà G giao cho nguyên đơn 05 phần (trong đó có 01 phần của ông Út).

Nếu diện tích 10.970m², đất (L) là của hộ cụ B thì nguyên đơn yêu cầu bà G chia tài sản chung của hộ ông B làm 08 phần gồm cụ B, cụ B1, S, Đ, H, H1, G, U mỗi phần tương đương diện tích 1.371,25m² đất (lúa). Yêu cầu bà G giao 05 phần trong đó có 01 phần của ông U, 02 phần của ông B, bà H chia thừa kế.

- Bị đơn bà Đặng Thị G trình bày:

Trước đây bà G có ý kiến nguồn gốc đất của cha là cụ Đặng Văn B (chết) và mẹ là cụ Nguyễn Thị B1 (chết), để lại theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích 5.313,4m², đất (thổ) thuộc thửa số 1648, tờ bản đồ số 1; diện tích 699,9m² đất (lúa), thuộc thửa số 1697; diện tích 1.542,7m² đất (lúa), thuộc thửa số 1696; diện tích 4.917,9m² đất (lúa) thuộc thửa số 1695; diện tích 3.809,5m² đất (lúa), thuộc thửa số 1871, tọa lạc: Ấp A, xã Đ.B.K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Số đất nói trên khi cha, mẹ còn sống, bà G đã sử dụng phần đất này làm để nuôi cha mẹ. Sau khi cha, mẹ chết năm 2002 chị, em thống nhất để bà G nhận sử dụng đất (lúa) diện tích 10.970m², làm mỗi năm bà đóng 100 gia lúa để nuôi bà Đặng Thị H1 bị bệnh, nên sử dụng đất đến nay.

Nay bà G có ý kiến như sau: Đất có nguồn gốc của cha mẹ sử dụng đến năm 1984 thành lập Tập đoàn 1, ấp A, xã Đ.B.K; Tập đoàn thu hồi toàn bộ đất của cha mẹ, sau đó giao khoán lại cho hộ của cha, mẹ gồm cha mẹ, bà H1, G, U, giao khoán mỗi người diện tích 3.500m², nhưng hộ cụ B chỉ nhận diện tích đất (lúa) có nguồn gốc của vợ chồng cụ B 10.970m², trong hộ có 5 thành viên mỗi người được giao khoán diện tích 2.194m². Như vậy di sản của ông B, bà B1 để lại gồm diện tích 4.388m² đất (lúa) và diện tích 2.125,3m² (trong diện tích

5.313,4m²) đất (thổ); Phần của bà H1, ông U nhà nước giao khoán tôi tiếp tục sử dụng để tự thỏa thuận.

Hiện trạng diện tích đất thổ có 01 căn nhà bà Đặng Thị H1 đang ở (nhà của cụ B cất năm 1992 để lại) ngang 5,7m, dài 10m và 01 mái che ngang 3,7m x 2,7m, hiện trạng nhà khung cây tạp, vách ván, nền đất, mái tôn, vị trí giáp với đất ông L; bà Đặng Thị G cất 01 căn nhà ngang 5m x 17m, khung cây tạp, vách ván, nền đất, mái tôn, vị trí giáp với đất ông L và 01 căn nhà cấp 4 ngang 7,1m x 18m, kết cấu khung bê tông cốt thép, vách tường, mái tôn, nền lót gạch men, vị trí giáp với đất Út M. Cây lâu năm trên đất do cụ B trồng, nếu giao đất cho ai thì người đó sử dụng, không yêu cầu giải quyết cây gắn liền với đất (thổ). Hiện trạng đất (lúa) cha còn sống đã sử dụng đất làm 2 vụ. Bà G không yêu cầu chia thừa kế căn nhà của cụ B để lại.

Đồng ý di sản của cụ B, cụ B1 để lại gồm diện tích 4.388m² đất (lúa) và diện tích 2.125,36m² đất (thổ) và diện tích đất (thổ) còn lại 3.188,4m² là của hộ, nếu nguyên đơn đồng ý thỏa thuận toàn bộ vụ án thì đồng ý đất (thổ), diện tích 5.313,4m² chia cho 6 người gồm: bà S, bà Đ, bà H, bà H1, bà G, ông U mỗi phần diện tích 885,56m².

Đất (thổ) bà G yêu cầu được nhận 04 phần bằng đất gồm phần của G, Út, H, H1. Hai (02) phần của bà S, bà Đ đồng ý trả lại giá trị đất.

Đất (lúa) diện tích 4.388m², chia làm 06 phần gồm S, Đ, H, H1, G, U mỗi phần diện tích 731,33m².

Đất (lúa) bà G yêu cầu được nhận 04 phần bằng hiện vật gồm phần của G, Út, H, H1. Hai (02) phần của bà S, bà Đ đồng ý trả lại giá trị đất.

- Ông Châu Văn Bé E, Châu Thị Phượng H2 và Châu T có bà G đại diện, ý kiến: Không có tranh chấp với bà S, bà H, bà Đ, bà H1 diện tích 16.283,4m², đất (thổ), (lúa), tờ bản đồ số 1, thửa 1648, 1697, 1696, 1695, 1871, tọa lạc Ấp A, xã Đ.B.K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Áp dụng Điều 168 Luật đất đai; khoản 1 Điều 468, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 158, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị H1 yêu cầu bà Đặng Thị G chia di sản thừa kế của cụ B, cụ B1.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị H1 yêu cầu bà Đặng Thị G chia tài sản chung.

- Không chấp nhận yêu cầu bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị H1 yêu cầu bà Đặng Thị G giao cho 05 phần (trong đó có 01 phần của ông U) gồm đất (thổ), (lúa).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị G yêu cầu được nhận đất (thổ), đất (lúa) 06 phần gồm phần của G, U, H, H1 và yêu cầu được trả giá trị đất (thổ), đất (lúa) cho bà S, bà Đ.

- Bà Đặng Thị G được sử dụng diện tích 1.226,9m², đất (T) và cây lâu năm gắn liền đất (thổ), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1648, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

- + Ngang giáp lộ đal từ M5 đến M6 là 6,29 mét;
- + Ngang từ M12 đến M13 là 9,13 mét;
- + Ngang giáp đường dẫn nước từ M19 đến M20 là 4,51 mét;
- + Dài từ M5 đến M12 là 35,78 mét và từ M12 đến M19 là 138,09 mét;
- + Dài từ M6 đến M14 là 17,29 mét, từ M14 đến M13 là 18,21 mét và từ M13 đến M20 là 138,26 mét.

- Bà Đặng Thị G được tạm giữ diện tích 864,1m², đất (T) và cây lâu năm gắn liền đất (T), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1648, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, Đồng Tháp của ông Đặng Văn U và có trách nhiệm giao lại khi ông U có yêu cầu. Tứ cận như sau:

- + Ngang giáp lộ đal từ M6 đến M7 là 6,29 mét. M7 cách M14 là 17,92 mét;
- + Ngang giáp đường dẫn nước từ M20 đến M21 là 5,13 mét;
- + Dài từ M6 đến M14 là 17,29 mét, từ M14 đến M13 là 18,21 mét và từ M13 đến M20 là 138,26 mét.
- + Dài từ M7 đến M21 là 174,83 mét. M21 cách trụ đá M4 là 4,35 mét.

- Bà Đặng Thị H1 được sử dụng diện tích 806,5m², đất (T) và cây lâu năm gắn liền đất (T), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1648, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

- + Ngang giáp lộ đal từ M4 đến M5 là 5,16 mét;
- + Ngang từ M11 đến M12 là 4,13 mét;
- + Ngang giáp đường dẫn nước từ M18 đến M19 là 4,83 mét;
- + Dài từ M5 đến M12 là 35,78 mét và từ M12 đến M19 là 138,09 mét;
- + Dài từ M4 đến M11 là 35,83 mét và từ M11 đến M18 là 138,91 mét.

- Bà Đặng Thị H1 có trách nhiệm giao lại cho bà Đặng Thị S diện tích 807,2m², đất (T) và cây lâu năm gắn liền đất (T), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1648, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

- + Ngang giáp lộ đal từ M3 đến M4 là 5,13 mét;
- + Ngang từ M10 đến M11 là 4,13 mét;

+ Ngang giáp đường dẫn nước từ M17 đến M18 là 4,83 mét;
+ Dài từ M3 đến M10 là 35,90 mét và từ M10 đến M17 là 138,73 mét;
+ Dài từ M4 đến M11 là 35,83 mét và từ M11 đến M18 là 138,91 mét
- Bà Đặng Thị H được sử dụng diện tích 805,5m², đất (T) và cây lâu năm gắn liền đất (T), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1648, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

+ Ngang giáp lộ đal từ M2 đến M3 là 5,13 mét;
+ Ngang từ M9 đến M10 là 4,13 mét;
+ Ngang giáp đường dẫn nước từ M16 đến M17 là 4,83 mét;
+ Dài từ M2 đến M9 là 35,99 mét và từ M9 đến M16 là 138,55 mét;
+ Dài từ M3 đến M10 là 35,90 mét và từ M10 đến M17 là 138,73 mét;
- Bà Đặng Thị H có trách nhiệm giao lại cho bà Đặng Thị Đ diện tích 803,2m², đất (T) và cây lâu năm gắn liền đất (T), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1648, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

+ Ngang giáp lộ đal từ M1 đến M2 là 5,13 mét. M1 cách gốc nhà bà H là 10,78 mét;

+ Ngang từ M8 đến M9 là 4,13 mét;
+ Ngang giáp đường dẫn nước từ M15 đến M16 là 4,83 mét;
+ Dài từ M1 đến M8 là 36,09 mét và từ M8 đến M15 là 138,38 mét. M15 cách trụ đá M3 là 3,78 mét, trụ đá M3 cách cây gáo 10 mét, cây gáo cách trụ đá M5 là 7,3 mét;

+ Dài từ M2 đến M9 là 35,99 mét và từ M9 đến M16 là 138,55 mét;
(Có sơ đồ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 17/9/2018 kèm theo).

- Bà Đặng Thị G phải trả giá trị đất (T) cho:

1/ Ông Đặng Văn U diện tích 21,46m² số tiền 1.716.800 đồng, bà Đặng Thị G được tạm giữ số tiền 1.716.000 đồng và có trách nhiệm giao lại cho ông U khi có yêu cầu.

2/ Bà Đặng Thị H1 diện tích 79,06m², số tiền 6.324.800 đồng.

3/ Bà Đặng Thị S diện tích 78,36 m², số tiền 6.268.800 đồng.

4/ bà Đặng Thị H diện tích 80,06m², số tiền 6.404.800 đồng.

5/ Bà Đặng Thị Đ diện tích 82,36m², số tiền 6.588.800 đồng.

Kể từ ngày bà H1, bà S, bà H, bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Đặng Thị G chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Bà Đặng Thị G được tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.828,3m², đất (L), tờ bản đồ số 01, 01 phần thửa 1696 và 01 phần thửa 1695, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

- + Ngang từ M22 đến M23 là 29,09 mét;
- + Ngang từ M25 đến M24 là 29,22 mét;
- + Dài từ M22 đến M25 là 62,73 mét;
- + Dài từ M23 đến M24 là 62,73 mét.

- Bà Đặng Thị G được tạm giữ diện tích 1.828,3m², đất (L), tờ bản đồ số 1, thửa số 1697 và 01 phần thửa 1996, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp của ông Đặng Văn U và có trách nhiệm giao lại khi ông U có yêu cầu. Tứ cận như sau:

+ Ngang giáp thửa 1648 từ M15 đến M21 là 28,96 mét. M15 cách trụ đá M3 là 3,78 mét, trụ đá M3 cách cây gáo 10 mét, cây gáo cách trụ đá M5 là 7,3 mét;

- + Ngang từ M22 đến M23 là 29,09 mét;
- + Dài từ M15 đến M22 là 63,02 mét;
- + Dài từ M21 đến M23 là 63,02 mét;

- Bà Đặng Thị G có trách nhiệm giao lại:

1/ Bà Đặng Thị Đ diện tích 1.828,3m², đất (L), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1695, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

- + Ngang từ M25 đến M24 là 29,22 mét;
- + Ngang từ M26 đến M27 là 29,35 mét;
- + Dài từ M25 đến M26 là 65,45 mét;
- + Dài từ M24 đến M27 là 65,45 mét.

2/ Đặng Thị H diện tích 1.828,3m², đất (L), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1695 và 01 phần thửa 1871, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

+ Ngang từ M26 đến M27 là 29,35 mét. M26 cách trụ đá M6 là 11,45 mét và trụ đá M6 cách trụ đá 51,68 mét.

- + Ngang từ M29 đến M28 là 29,03 mét;
- + Dài từ M26 đến M29 là 62,57 mét;
- + Dài từ M27 đến M28 là 62,57 mét.

3/ Bà Đặng Thị H1 diện tích 1.828,3m², đất (L), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1871, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

- + Ngang từ M29 đến M28 là 29,03 mét;
- + Ngang từ M30 đến M31 là 28,60 mét;

+ Dài từ M29 đến M30 là 63,48 mét;

+ Dài từ M28 đến M31 là 63,48 mét.

4/ Bà Đặng Thị S diện tích 1.828,3m², đất (L), tờ bản đồ số 1, 01 phần thửa 1871, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tứ cận như sau:

+ Ngang từ M30 đến M31 là 28,60 mét;

+ Ngang từ M33 đến M32 là 40,72 mét. M33 cách trụ đá M7 là 13,74 mét, trụ đá M7 cách trụ đá 66,28 mét; M32 cách trụ đá M8 là 13,60 mét và trụ đá M8 cách trụ đá 25,57 mét;

+ Dài từ M30 đến M33 là 50,19 mét;

+ Dài từ M31 đến M32 là 78,66 mét.

(Có sơ đồ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 17/9/2018 kèm theo).

- Bà Đặng Thị S, Đặng Thị H, Đặng Thị Đ, Đặng Thị H1, Đặng Thị G phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất (T), tờ bản đồ số 1, thửa số 1648 và đất (L), tờ bản đồ số 1, thửa số 1695, 1696, 1697 và thửa 1871, tọa lạc: Ấp M.T.B, xã M.A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo luật định.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Bà Đặng Thị S, Đặng Thị H, Đặng Thị Đ, Đặng Thị H1 mỗi người phải chịu số tiền 1.176.500 đồng (đã nộp và chi xong); bà Đặng Thị G phải chịu 1.176.500 đồng (đã chi xong), nên bà G phải trả lại bà S số tiền 1.176.500 đồng (một triệu, một trăm B mươi S ngàn, năm trăm đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đặng Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.102.000 đồng (hai triệu, một trăm lẻ hai ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.102.000 đồng theo biên lai số: BM/2011 001658 ngày 22 tháng 3 năm 2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; bà H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Đặng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.102.000 đồng (hai triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.102.000 đồng theo biên lai số: BM/2011 001655 ngày 22 tháng 3 năm 2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.102.000 đồng (hai triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.102.000 đồng theo biên lai số: BM/2011 001656 ngày 22

tháng 3 năm 2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Đặng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.102.000 đồng (hai triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.102.000 đồng theo biên lai số: BM/2011 001657 ngày 22 tháng 3 năm 2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; Bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Đặng Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.102.000 đồng (hai triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 bị đơn bà Đặng Thị G kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử. Theo nội dung kháng cáo, bà Đặng Thị G kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Đặng Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn bà Đặng Thị S kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử. Theo nội dung kháng cáo, bà Đặng Thị S kháng cáo một phần nội dung bản án. Bà S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao phần thừa kế của ông Đặng Văn U giao lại cho bà S quản lý, sử dụng để thờ cúng cha mẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn Đặng Thị S, Đặng Thị H, Đặng Thị H1, Đặng Thị Đ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Đặng Thị S, Đặng Thị H, Đặng Thị H1, Đặng Thị Đ và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đặng Thị G trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị G. Nếu cấp phúc thẩm xác định cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được thì đề

ngợi Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án do bản án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng là do nguyên đơn bà Đặng Thị H1 có dấu hiệu mất năng lực hành vi dân sự mà Tòa cấp sơ thẩm không đưa bà H1 đi giám định. Do đó, đề nghị hủy án sơ thẩm và về nội dung kháng cáo của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ngày 15/11/2019, các nguyên đơn bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Đ; Bị đơn Đặng Thị G, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn là Luật sư Lê H.A, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đặng Thị G là Luật sư Huỳnh Thị Đ1 có mặt tại phiên tòa. Riêng bà Đặng Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử vào ngày 15/11/2019 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại cấp phúc thẩm các nguyên đơn bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Đ và bị đơn Đặng Thị G đều trình bày xác định là bà Đặng Thị H1 bị bệnh tâm thần trong quá trình giải quyết vụ án và theo kết quả khám bệnh và đánh giá tinh thần của bà Đặng Thị H1 của Bệnh viện tâm thần Đồng Tháp xác định bà Đặng Thị H1 cảm xúc không ổn định, hay

nói nhảm, la hét và chửi mắng mọi người, không nhớ các thông tin đã ghi nhận trước đó. Như vậy, đã xác định bà H1 có dấu hiệu bị bệnh tâm thần là có căn cứ. Do bà Đặng Thị H1 có dấu hiệu bị bệnh tâm thần mà Tòa án cấp sơ thẩm không làm thủ tục đưa bà H1 đi giám định để xem bà H1 có bệnh tâm thần hay không. Nếu bà H1 có bị bệnh tâm thần hoặc bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự thì bà H1 phải có người giám hộ để đại diện cho bà H1 thực hiện quyền và nghĩa vụ cho bà H1 trong vụ án cũng như quản lý, giữ gìn tài sản cho bà H1 khi được chia hưởng di sản thừa kế. Đồng thời, nếu xác định bà H1 bị bệnh tâm thần thì bà H1 sẽ được hưởng di sản thừa kế nhiều hơn các người thừa kế còn lại và tại bản án sơ thẩm đã xét xử cho bà H1 được hưởng di sản thừa kế của cha mẹ để lại bằng suất với các người thừa kế còn lại là chưa phù hợp pháp luật, làm cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1 bị xâm phạm và nếu xét xử theo án sơ thẩm và xác định hiện tại bà H1 bị bệnh tâm thần thì việc thi hành án giao tài sản cho bà H1 quản lý, hưởng, sử dụng là chưa bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ cho bà H1. Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ tại cấp phúc thẩm thì bà H1 trình bày là bà H1 không có làm đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này và cấp sơ thẩm cũng không làm rõ là bà H1 có khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này hay không và đơn khởi kiện cũng như các văn bản trong hồ sơ có phải do bà H1 ký hay không. Từ những nhận định trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được. Vì vậy, cần phải hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo hướng nhận định trên mới đảm bảo tính toàn diện vụ án và đảm bảo đầy đủ quyền và nghĩa vụ cho các đương sự trong vụ án.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thì do các đương sự không xác định chính xác bà H1 có bị bệnh tâm thần hay không, đồng thời tại cấp sơ thẩm thì bà H1 ủy quyền cho bà Đặng Thị S tham gia tố tụng nên cấp sơ thẩm không xác định được bà H1 có bệnh tâm thần hay không, do đó việc hủy bản án sơ thẩm không phải do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn Đặng Thị S, Đặng Thị H, Đặng Thị H1, Đặng Thị Đ là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích và nhận định trên nên không chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đặng Thị G là có căn cứ một phần đối với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên được chấp nhận một phần yêu cầu.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án là hoàn toàn phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[7] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án sơ thẩm và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật. Do hủy bản án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét nội dung yêu cầu kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

[8] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị G được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí khác sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Đặng Thị S được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0003752 ngày 08/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đặng Thị G được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0003887 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao